

**DANH MỤC THÔNG TIN THỐNG KÊ TỪ**  
**ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở GIỮA KỲ 1/4/2014**  
**(Chuyên khảo Mức sinh)**

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
Bảng 1. Tỷ suất sinh chung theo một số chỉ báo cơ bản, giai đoạn 1989-2014	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Dân tộc; Tình trạng hôn nhân; Nơi cư trú 5 năm trước; Học vấn; Điều kiện sống	1989, 1999, 2009, 2014
Bảng 2. Mức sinh của một số dân tộc chính giai đoạn 1989-2014	Dân tộc	1989, 1999, 2009, 2014
Bảng 3. ASFR của một số dân tộc chính, năm 2014	Dân tộc; Nhóm tuổi	2014
Bảng 4. Tỷ suất sinh của nữ 15-19 tuổi theo một số đặc điểm kinh tế xã hội 1989- 2014	Dân tộc; Tình trạng hôn nhân; Tình trạng nhập cư; Học vấn; Điều kiện sống	1989, 1999, 2009, 2014
Bảng 5. Số con trung bình của phụ nữ 45-49 tuổi, 1989-2014	Thành thị; Nông thôn; Vùng KT-XH; Dân tộc; Tình trạng hôn nhân; Nơi cư trú 5 năm trước; Học vấn; Điều kiện sống	1989, 1999, 2009, 2014
Bảng 6. Đặc điểm kinh tế - xã hội của hai nhóm vào năm 2014	Học vấn; Điều kiện sống	2014
Bảng 7. Khoảng cách sinh theo một số đặc điểm kinh tế xã hội, 2010-2014	Dân tộc; Giới tính các con trước; Nơi ở 5 năm trước; Học vấn; Điều kiện sống; Số lần sinh	2010-2014
Bảng 8. Trung bình tuổi phụ nữ khi sinh con theo thứ tự sinh, năm 2014	Vùng KT-XH; Tình trạng hôn nhân; Tình trạng nhập cư; Học vấn; Điều kiện sống; Số lần sinh	2014
Bảng P.1. Tổng tỷ suất sinh (TFR), 1989-2014	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Dân tộc; Học vấn; Tình trạng hôn nhân; Tình trạng di cư; Điều kiện sống	1989, 1999, 2009, 2014
Bảng P.2. Tuổi trung bình của phụ nữ khi sinh con, 1989-2014	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Dân tộc; Học vấn; Tình trạng hôn nhân; Tình trạng di cư; Điều kiện sống	1989, 1999, 2009, 2014
Bảng P.3. Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi ở thành thị và nông thôn, 1989-2014	Thành thị/Nông thôn; Nhóm tuổi	1989, 1999, 2009, 2014
Bảng P.4. Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi ở 6 vùng, 1989-2014	Vùng KT-XH; Nhóm tuổi	1989, 1999,

		2009, 2014
Bảng P.5. Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi và trình độ học vấn, 1989-2014	Trình độ học vấn; Nhóm tuổi	1989, 1999, 2009, 2014
Bảng P.6. Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi và tình trạng di cư, 1989-2014	Tình trạng di cư; Nhóm tuổi	1989, 1999, 2009, 2014
Bảng P.7. Tỷ suất sinh đặc trưng theo tuổi và điều kiện sống, 1989-2014	Điều kiện sống; Nhóm tuổi	1989, 1999, 2009, 2014
Bảng P.8. ASFR theo thứ tự sinh ở thành thị và nông thôn, 1989-2014	Thành thị/Nông thôn; Lần sinh; Nhóm tuổi của mẹ	1989, 1999, 2009, 2014
Bảng P.9. Tỷ suất sinh chung (GFR) và Số con đã sinh của phụ nữ 45-49 ở các tỉnh	Đơn vị hành chính	1999, 2009, 2014
Bảng P.10. Trung bình tuổi phụ nữ các lần sinh và lần sinh thứ nhất	Đơn vị hành chính	1999, 2009, 2014
Bảng P.11. Trung bình tuổi phụ nữ các lần sinh và lần sinh thứ nhất	Đơn vị hành chính	1999, 2009, 2014